TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:33/2021/HS-PT
Ngày: 09/8/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Anh

Các Thẩm phán: Ông Đinh Xuân Tuấn

Ông Nguyễn Hữu Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Khuyến - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Ngô Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 58/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo Vương Thị Q, Nguyễn Văn T do có kháng cáo của các bị cáo Vương Thị Q, Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2020/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1.**VƯƠNG THỊ Q**, sinh năm 1971.Trú tại: Thôn Y - xã G - huyện T - tỉnh B; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vương Đình L (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1945; Có chồng là Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1972 và 02 con: Con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2020 đến ngày 16/01/2020 được thay thế bằng biện pháp *"Bảo lĩnh"*. Hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN VĂN T, sinh năm 1993.Trú tại: Thôn Y - xã G - huyện T - tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1972 và bà Vương Thị Q, sinh năm 1971; Có vợ là Vương Thị N, sinh năm 1993 và 02 con: Con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2020 đến ngày

16/01/2020 được thay thế bằng biện pháp *"Bảo lĩnh"*. Hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*, Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo gồm: Trần Đình H, Hà Văn T1, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Hồng T3, Hoàng Thị D, Lò Thị V nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/12/2019 Nguyễn Văn T, thuê ngôi nhà 06 tầng tại thôn T - xã A - huyện T - tỉnh B của ông Vương Quốc T ở cùng thôn. Đến ngày 10/12/2019 T cùng với mẹ của mình là Vương Thị Q mở quán kinh doanh Karaoke, xông hơi, tẩm quất, massage tại ngôi nhà thuê nêu trên do T đứng tên đăng ký kinh doanh. Sau khi mở quán thì có: Nguyễn Hồng T, Hoàng Thị D, Lò Thị V,Triệu Thị B, Hoàng Thị H, Đồng Thị Ch, Đồng Thị T, Hoàng Thị H và Lương Thị H đến quán xin làm nhân viên. Q đồng ý và thỏa thuận khi nhân viên hát cùng khách thì Q thu của khách 150.000 đồng/01 giờ, nhân viên được hưởng 100.000 đồng, còn Q hưởng 50.000 đồng. Nếu khách có nhu cầu mua dâm thì nhân viên bán dâm cho khách ngay tại quán, Q và T thu tiền phòng của khách là 120.000 đồng/01 người, tiền bán dâm thì nhân viên tự thu của khách từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/01 lần bán dâm và nhân viên được hưởng số tiền này. Các nhân viên được T và Q sắp xếp ăn, ngủ tại quán, mỗi ngày nhân viên nộp cho Q 40.000 đồng tiền ăn/01 người.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/01/2020 khi Q và T đang ở quán thì có Nguyễn Văn N và Vũ Văn S đều ở khu 10 - phường Đ - thành phố B - tỉnh B vào quán gặp Q hỏi cho 02 nhân viên để mua dâm. Q đồng ý và thu tiền phòng 120.000 đồng/01 người, còn tiền mua dâm thì Q bảo N và S lên phòng tự trả cho nhân viên, N và S mỗi người đưa cho Q 120.000 đồng. Cùng lúc này có Hà Văn T1 ở bản N - xã M - huyện P - tỉnh S đến quán nói với Q cho 01 nhân viên để mua dâm. Q cũng đồng ý và thu tiền phòng của T1 là 120.000 đồng, T1 đưa cho Quỳ 120.000 đồng còn tiền mua dâm Q nói với T1 lên phòng tự trả cho nhân viên. Sau khi nhận tiền của N, S và T1, Q đưa cho T số tiền này đồng thời bảo T sắp xếp phòng cho khách mua dâm và gọi nhân viên vào phòng để bán dâm. T bảo N và S vào phòng 401 và 402, còn T1 vào phòng 301 đợi rồi T dùng điện thoại di động có số 0984.376.155 gọi vào điện thoại di động của Hoàng Thị D có số 0982.439.950 và gọi vào điện thoại di động của Nguyễn Hồng T3 có số 0327.250.491 nói D vào phòng 301, T3 vào phòng 402 để bán dâm. Trong lúc này, Q cũng dùng điện thoại di động có số 0363.998.418 của mình gọi vào điện thoại di động của Lò Thị V có số 0374.877.001 bảo V vào phòng 401 để bán dâm. Tại phòng 301, T1 nói với D quan hệ tình dục xong sẽ trả 200.000 đồng thì D đồng ý. Tại phòng 401, N đưa cho V 300.000 đồng; còn tại phòng 402, S đưa cho T3 200.000 đồng, V và T3 đồng ý quan hệ tình dục với N và S. Tiếp đó, T1 và D, N và V, S và T3 quan hệ tình dục với nhau. Sau khi, T1, N và S lên phòng

để mua dâm nhân viên thì có Nguyễn Thế T2, ở thôn D - xã K - huyện Y - tỉnh N cùng Trần Đình H ở xóm 18 - xã N - huyện N - tỉnh N vào quán gặp T bảo cho 02 nhân viên để mua dâm, T đồng ý và thu tiền phòng là 120.000 đồng/01 người, của 02 người là 240.000 đồng, còn tiền mua dâm lên phòng tự trả cho nhân viên. H đưa cho T 240.000 đồng tiền phòng của 02 người, T cầm tiền rồi bảo T2 và H lên phòng 302 và 303 đợi nhân viên lên bán dâm. Khi T chưa kịp gọi nhân viên vào phòng 302 và 303 để bán dâm cho T2 và H thì đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc T1 và D đang quan hệ tình dục tại phòng 301, N và V đang quan hệ tình dục tại phòng 401, S và T3 đang quan hệ tình dục tại phòng 402 thì bị lực lượng Công an tỉnh Bắc Ninh phối hợp với Cục C02 Bộ Công an phát hiện, lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đối với Q và T.

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2020/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Vương Thị Q, Nguyễn Văn T phạm tội "Chứa mại dâm".

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Vương Thị Q 05 *(Năm)* năm tù và 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng tiền phạt để sung quỹ Nhà nước. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 08/01/2020 đến ngày 16/01/2020.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; các điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 03 *(Ba)* năm tù và 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng tiền phạt để sung quỹ Nhà nước. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 08/01/2020 đến ngày 16/01/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2020 bị cáo Vương Thị Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; cũng trong ngày 27/8/2020 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T xin rút toàn bộ kháng cáo.

Bị cáo Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai nhận tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh và thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Bản án sơ thẩm đã nêu. Tuy nhiên, bị cáo Q vẫn cho rằng bị cáo chỉ bị bắt và lập biên bản phạm tội quả tang một lần nên việc xét xử bị cáo với tình tiết định khung *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự là chưa chính

xác, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q cho rằng mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là cao, bị cáo mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ. Bị cáo Q đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo bởi trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm bị cáo đã có hành vi cứu giúp một cháu bé đuối nước được Ủy ban nhân dân xã N, T xác nhận, không những vậy bị cáo còn có 02 lần có hành vi tố giác tội phạm đến Công an huyện T nhờ đó Công an huyện T đã bắt giữ được một số đối tượng về hành vi "Đánh bạc" và một đối tượng có hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi nhận xét vụ án và phân tích hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Về kháng cáo của bị cáo Vương Thị Q, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới vì vậy Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Vương Thị Q từ 42 tháng tù đến 45 tháng tù.

Bị cáo Q tham gia tranh luận với Kiểm sát viên cho rằng mức hình phạt Kiểm sát viên đề xuất đối với bị cáo vẫn là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Đối đáp với ý kiến của bị cáo, Kiểm sát viên xác định đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để đề nghị cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cho nên Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/01/2020 khi bị cáo Q đang ở quán kinh doanh Karaoke, xông hơi, tẩm quất, massage tại thôn T - xã A - huyện T - tỉnh B thì có 02 người tự xưng là Nguyễn Văn N và Vũ Văn S đến quán gặp Q và nói với Q cho 02 nhân viên để mua dâm, Q đồng ý rồi thu tiền phòng của N và S mỗi người là 120.000đ, tổng hai người là 240.000 đồng. Sau đó vài phút lại có Hà Văn T1 đến gặp Q hỏi nhân viên để mua dâm, Q đồng ý và thu tiền phòng của T1 là 120.000 đồng. Thu tiền xong, Q đưa cho T 360.000 đồng tiền phòng vừa thu được, T nhận tiền rồi bảo T1 lên phòng 301, còn S và N lên phòng 401 và phòng 402. Tiếp đó, T dùng điện thoại của mình gọi cho Hoàng Thị D và Nguyễn Hồng T3 bảo D vào phòng 301, T3 vào phòng 402 để bán dâm, còn Q trực tiếp dùng điện thoại của mình gọi cho Lò Thị V bảo V vào phòng 401 để bán dâm. Như vậy trong buổi tối ngày 07/01/2020 bị cáo Q đã ba lần nhận tiền thuê phòng với tổng số tiền 360.000 từ Nguyễn Văn N, Vũ Văn S và Hà Văn T1

trong đó bị cáo nhận tiền phòng của từng đối tượng mua dâm chứ không phải nhận tiền phòng của một người trả cho cả nhóm, mặt khác khi khách mua dâm vào nhà nghỉ do bị cáo quản lý thì chỉ có N và S vào giao dịch với bị cáo cùng một thời điểm còn T1 vào giao dịch với bị cáo sau N và S vài phút. Hơn nữa khi N, S và T1 vào các phòng 301, 401,402 để quan hệ tình dục với gái bán dâm thì hoàn toàn độc lập với nhau bằng việc tự thanh toán trả tiền mua dâm cho gái bán dâm. Căn cứ vào hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi phạm tội của bị cáo Q , bị cáo T là phạm tội 02 lần trở lên do vậy Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Vương Thị Q, Nguyễn Văn T phạm tội "Chứa mại dâm" theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Hành vi "Chứa mại dâm" của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, gây tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, hủy hoại nhân cách con người, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, làm lây truyền nhiều bệnh xã hội nguy hiểm. Do đó, cần thiết phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành phạm tội của các bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Vương Thị Q, Nguyễn Văn T kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T đã rút đơn kháng cáo và chấp nhận mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã xử, xét thấy việc rút đơn kháng cáo của bị cáo T là hoàn toàn tự nguyện do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T, quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T có hiệu lực pháp luật.

[4] *Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Q, HĐXX nhận thấy*:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét vai trò, đánh giá mức độ, tính chất, hành vi nguy hiểm của các bị cáo đối với xã hội đồng thời xem xét đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo như khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo Q có mẹ đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, gia đình các bị cáo đã tích cực giúp đỡ địa phương trong giai đoạn phòng chống dịch Covid, nên đã cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và tuyên phạt bị cáo Q 05 năm tù là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Q có bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ là sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã có hành vi cứu giúp một cháu bé bị đuối nước và ngày 14/11/2020 bị cáo có đơn tố giác tội phạm gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tố giác một số đối tượng có hành vi phạm tội "Đánh bạc" nhờ đó Công an huyện T đã tổ chức xác minh và bắt quả tang 10 đối tượng có hành vi đánh bạc và đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với những đối tượng trên. Tiếp đó ngày 14/12/2020 bị cáo Q lại có đơn tố giác tội

phạm gửi đến Công an huyện T tố giác một đối tượng có biểu hiện Mua bán trái phép chất ma túy nhờ đó Công an huyện T đã bắt quả tang, khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối tượng này về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Ngoài ra để thể hiện sự ăn năn hối cải thì bị cáo cũng đã tự nguyện nộp số tiền phạt bổ sung 10.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Như vậy trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì bị cáo Q đã có hành vi lập công để chuộc tội, xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ mới của bị cáo được quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do đó tại thời điểm xét xử phúc thẩm bị cáo Q được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì vậy để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để cho bị cáo Q được hưởng mức hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vương Thị Q, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt chính đối với bị cáo Vương Thị Q.

[5] Về án phí: Bị cáo Vương Thị Q, Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T.

Quyết định tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2020/HSST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc ninh đối với bị cáo Nguyễn Văn T có hiệu lực thi hành, cụ thể:

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; các điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 03 *(Ba)* năm tù về tội "Chứa mại dâm", phạt bổ sung 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng để sung Ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo biên lai số 0008052 ngày 30/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 08/01/2020 đến ngày 16/01/2020.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vương Thị Q, Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 68/2020/HSST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc ninh về phần hình phạt đối với bị cáo Vương Thị Q.

Tuyên bố bị cáo Vương Thị Q phạm tội "*Chứa mại dâm "*

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Vương Thị Q 03 năm 06 tháng tù, phạt bổ sung 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng để sung Ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo Vương Thị Q đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo biên lai số 0008051 ngày 30/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt, tạm giam 09/8/2021 nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 08/01/2020 đến ngày 16/01/2020.

Căn cứ Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định bắt, tạm giam bị cáo Vương Thị Q 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (09/8/2021) để đảm bảo việc thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT; VKS; TAND; Chi cục THADS huyện Thuận Thành;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Tuấn Anh